TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/DS-ST
Ngày: 17-7-2024
V/v Tranh chấp về thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Phước Công;

2. Bà Đào Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 271/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc "tranh chấp về thừa kế" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mị N, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Mị N: Ông Lê Phước H, sinh năm 1980; Luật sư – Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1980; địa chỉ: số B, tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Trần Kim P, sinh năm 1960; địa chỉ: số I, tổ A, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt;

3.2 Bà Trần Kim L, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp A, xã M, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; có mặt;

3.3 Ông Trần Văn Dũng E, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C,

tỉnh An Giang; có mặt;

3.4 Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1982; địa chỉ: số B, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

3.5 Bà Trần Thị Thúy K, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.6 Bà Ngô Thu H1, sinh năm 1955; địa chỉ: tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; ; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

3.7 Bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991); địa chỉ: tổ A, ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt;

3.8 Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973; địa chỉ: số F, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; ; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

3.9 Trần Thị Ngọc Ý sinh năm 2007. Người đại diện hợp pháp: mẹ là Nguyễn Thị L1, sinh năm 1973; địa chỉ: số F, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh; ; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt;

3.10 Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; ; vắng mặt, có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản có trong hồ sơ vụ án các nguyên đơn bà Trần Thị Mị N trình bày: Cha bà N là ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1). Sinh thời cụ X, cụ L2 đã tạo lập được 5.724m^2 đất TL, 2L tại ấp T, xã H, huyện C, sau khi cha, mẹ qua đời, các anh chị em trong gia đình thống nhất đồng ý là mỗi người canh tác, quản lý, sử dụng đất là một năm luân phiên với nhau. Khi đến lượt canh tác của ông Trần Văn T thì ông T cố tình không trả lại đất cho anh em trong gia đình để luân phiên sử dụng mà có hành vi tranh chấp, chửi bới, hăm dọa, xúc phạm đến các anh em trong gia đình làm mất đoàn kết nội bộ của anh em từ năm 2021 đến nay. Nhận thấy ông Trần Văn T có hành vi chiếm đoạt di sản thừa kế của cha mẹ để lại và có hành vi tranh chấp tài sản với các anh chị em từ năm 2021 đến nay. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị Mị N có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tòa án giải quyết

phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên; đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2. Về phần hưởng muốn nhận hiện vật là toàn bộ diện tích đất, xin giao trả giá trị phần hưởng cho các anh chị em.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày: Cha ông T là ông Trần Văn X và mẹ là bà Đỗ Thị L3 có 11 người con tuy nhiên, cha mẹ đau yếu bệnh tật thì các anh, em ông T không có phần chăm lo và bà N cũng vậy, trong đó chỉ có ông T và ông Trần Văn D Em là con Ú chăm sóc cha, mẹ, tuy nhiên về phần ông T lo cho cha, mẹ nhiều hơn. Khi C1, mẹ mất đi hiện nay ông T là người phụng thờ cho ông, bà và cha, mẹ. Di sản Cha, mẹ ông T tạo lập được phần đất diện tích 5.724m^2, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, loại đất 2L. Khi cha, mẹ ông T chết không để lại di chúc hoặc các giấy tờ liên quan đến việc tặng cho con. Ông T có tranh chấp phần di sản nêu trên của cha, mẹ là do ông Trần Văn D Em tự ý đem tài sản đi cầm cố cho bà Nguyễn Thị N1, diện tích 2.000m^2, khi chưa được sự đồng ý của tất cả anh, em. Ông T muốn giữ lại phần hương hỏa của cha, mẹ vì sợ ông D Em bán đi chứ không có ý chiếm đoạt toàn bộ theo lời bà N. Việc bà N trình bày trong đơn là ông T chửi bới, hăm doạ, xúc phạm đến các anh, em trong gia đình là hoàn toàn sai sự thật. Ông T biết về luật thì phần di sản cha mẹ để lại phải chia điều, nhưng về công bằng thì ông T cũng có công chăm sóc cha, mẹ khi còn sống và phụng thờ khi đã chết. Trong 5.724m^2 đất, ông T chỉ yêu cầu Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xem xét chia cho ông T phần đất 1.000m^2 (có tiếp giáp mặt tiền, ½ mặt tiền giáp với đất của ông H2) trong đó bao gồm: Phần hưởng của ông T được nhận thừa kế theo pháp luật một phần và một phần nhỏ đất hương hỏa để tiếp tục việc phụng thờ và phần diện tích còn lại 4.724m^2 thì ông T không có ý kiến; đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bảng vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí, theo đó hiện trạng phần diện tích 3.947m^2 trước đây ông T sử dụng nhưng từ khi tranh chấp đến nay thì đã bỏ trống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim P trình bày: Bà P là người thừa kế của ông Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), bà P là người thứ 2 trong gia đình. Hiện tại, các anh chị em yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất bà P yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm

1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Kim L trình bày: bà L là người thừa kế của ông Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), bà P là người thứ 5 trong gia đình. Hiện tại, các anh chị em yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất bà L yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2. Về phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần và giao lại cho người em là Trần Thị M Nương nhận hiện vật, yêu cầu N giao giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D Em trình bày: ông Dũng E là người thừa kế của ông ông Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), ông Dũng E là người thứ 6 trong gia đình. Bà N1 có nhận cố đất của ông D Em theo giấy cố đất ghi ngày 15/3/2013 Âl với số đất 2000m^2, số vàng 17 chỉ vàng 9999, hiện tại bà N1 đang quản lý sử dụng trồng bắp, theo kết quả đo đạc hiện trạng phần diện tích 2.263m^2. Hiện tại, các anh chị em yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất trong đó có phần bà N1 đang sử dụng, khi có quyết định của Tòa án ông D Em đồng ý cùng với bà N1 giao đất lại cho người được Tòa án phân chia; đối với số vàng cố ông D Em tự thỏa thuận với bà N1, không tranh chấp trong vụ án này. Trường hợp

không thương lượng được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Về yêu cầu khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần và giao lại cho người em là Trần Thị M Nương nhận hiện vật, yêu cầu N giao giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Kim C trình bày: Yêu cầu chia thừa kế Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích đất theo giấy là 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần; đề nghị Tòa án căn cứ vào bảng vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí, theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thúy K trình bày: Bà K là người thừa kế của ông Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Y1), bà K là người con út thứ 12 trong gia đình. Hiện tại, các anh chị em yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất bà K yêu cầu tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần và giao lại cho người chị là Trần Thị M Nương nhận hiện vật, yêu cầu chị N giao giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thu H1 trình bày: Yêu cầu tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật (phần hưởng của ông Trần Văn Đ), di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991) trình bày: Bà vân là con của ông Trần Văn Đ là người thừa kế của ông Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017), mẹ là Ngô Thu H1. Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1). Hiện tại, các cô chú yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất bà V yêu cầu tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2; phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9kỷ phần. đối với phần đất tranh chấp đề nghị Tòa án căn cứ bản vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đỡ tốn chi phí. Theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2. Về phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần và giao lại cho người cô là Trần Thị M Nương nhận hiện vật, yêu cầu Cô N giao giá trị đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo pháp luật phần ông Trần Minh N2 hưởng di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017); tài sản yêu cầu phân chia là: Diện tích đất theo giấy là 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Văn X đứng tên. Về phần hưởng muốn nhận hiện vật tương ứng 1/9 kỷ phần; đề nghị Tòa án căn cứ vào bảng vẽ hiện trạng đã khởi kiện trước đây để giải quyết nhằm đở tốn chi phí, theo bản vẽ diện tích đất là 6.210m^2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày: Bà N1 là người nhận cố đất của ông Trần Văn D Em theo giấy cố đất ghi ngày 15/3/2013 Âl với số đất 2000m^2, số vàng 17 chỉ vàng 9999, hiện tại bà N1 đang quản lý sử dụng trồng bắp, theo kết quả đo đạc hiện trạng phần diện tích 2.263m^2. Theo thông báo thụ lý của Tòa án thì các anh chị em ông D Em yêu cầu chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất trong đó có phần bà N1 đang sử dụng, khi có quyết định của Tòa án bà N1 đồng ý giao đất lại cho người được Tòa án phân chia; đối với số vàng cố bà N1 tự thỏa thuận với ông Dũng E, không tranh chấp trong vụ án này. Trường hợp không thương lượng được sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Về thủ tục tố tụng tiếp theo đề nghị Tòa án cho được vắng mặt kể cả phiên tòa xét xử.

Luật sư Lê Phước H trình bày: yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Mị N, yêu cầu chia di sản của ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017), tài sản yêu cầu phân chia là diện tích 5.724m^2 đất TL, 2L, tờ bản đồ số 01, thửa đất số 2000, 2002, 2003, 2004, đất tọa lạc thị trấn H, huyện C, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyên sử dụng đất số 00169/QSDĐ/lB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Trần Văn X đứng tên. Bản vẽ sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022, các điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10, diện tích đất 6.210m^2, các đương sự đều thống nhất đây là di sản thừa kế ông Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017) để lại. Kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 649, 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 về thừa kế, trường hợp thừa kế, người thừa kế và phân chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Kết quả đo đạc thể hiện, cụ thể: Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022: Diện tích đất 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01; Diện tích đất 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần văn X1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 609, 610, 611, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự Bộ luật Dân sự xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mị N, bà Trần Kim P, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V (Nguyễn Thúy V1), bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khơi kiện của ông Trần Văn T.

- Người thừa kế của cụ Trần Văn X, cụ Đỗ Thị L2 gồm là Trần Kim P, Trần Văn Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V), Trần Kim L, Trần Văn D Em, Trần Minh N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N và Trần Thị Thúy K.

- Di sản là diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 6.210m^2 và mỗi kỷ phần hưởng thừa kế của mỗi người có giá trị là 49.680.000 đồng.

- Buộc bà Trần Thị Mị N có nghĩa vụ giao cho bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K mỗi người một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000 đồng; giao cho bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V (Nguyễn Thúy V1) một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000 đồng và giao cho bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000 đồng .

- Buộc bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V (Nguyễn Thúy V1), bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 có nghĩa vụ giao diện tích đất cho bà Trần Thị Mị N, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1.

- Buộc bà Nguyễn Thị N1, bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V (Nguyễn Thúy V1), bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 có nghĩa vụ giao diện tích đất cho bà Trần Thị Mị N, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1.

- Bà Trần Thị Mị N có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Mị N khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp về thừa kế với ông Trần Văn T với yêu cầu phân chia tài sản là quyền sử dụng đất là tài sản của cha là cụ Trần Văn X (chết năm 1991), mẹ là cụ Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Ông T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang, phần đất tọa lạc xã H, huyện C, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Bà Trần Thị Kim C, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị N1,bfa Ngô Thu H1 có văn bản xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ, bà Nguyễn Thị N1 đang quản lý sử dụng một phần, bà N1 là người nhận cố đất của ông Trần Văn D Em theo giấy cố đất ghi ngày 15/3/2013 Âl với số đất 2000m^2, số vàng 17 chỉ vàng 9999, hiện tại bà N1 đang quản lý sử dụng trồng bắp, theo kết quả đo đạc hiện trạng phần diện tích 2.263m^2, bà N1 có ý kiến đồng ý giao đất lại cho người được Tòa án phân chia; đối với số vàng cố bà N1 tự thỏa thuận với ông Dũng E, không tranh chấp trong vụ án này. Bà N1, ông D Em không tranh chấp chấp hợp đồng cố đất, yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp, các bên giao dịch không thương lượng được khởi kiện Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Cụ Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), cụ X, cụ L2 không có nhận con nuôi. Như vậy, những người thừa kế của cụ X, cụ L2 là bà Trần Kim P, Trần Văn Đ (ông Đ đã chết người thừa kế có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V), bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2 (ông N2 chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Mị N và bà Trần Thị Thúy K.

[5] Các đương sự đều xác nhận phần đất đang tranh chấp chia thừa kế và phần đất mà Tòa án thực hiện đo đạc theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là đúng thực tế, kết quả đo đạc thì các phần đất tranh chấp có diện tích thực tế như sau: Diện tích đất 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01; Diện tích đất 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần văn X1. Như vậy, tổng diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 6.210m^2.

[6] Nguyên đơn, bà N yêu cầu được chia nhận hiện vật là toàn bộ diện tích đất, bị đơn ông Trần Văn T yêu cầu được nhận thừa kế theo pháp luật phần đất 1.000m^2 (có tiếp giáp mặt tiền, ½ mặt tiền giáp với đất của ông H2) trong đó bao gồm: Phần hưởng của ông T được nhận thừa kế theo pháp luật một phần và một phần nhỏ đất hương hỏa để tiếp tục việc phụng thờ. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cụ Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 chết không có để di chúc, căn cứ Điều 645 Bộ luật Dân sự, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông T, yêu cầu được nhận thừa kế một phần nhỏ đất hương hỏa để tiếp tục việc phụng thờ; đối với phần yêu cầu được hưởng thừa kế theo pháp luật là phần đất diện tích 1.000m^2 (có tiếp giáp mặt tiền, ½ mặt tiền giáp với đất của ông H2) là phần lớn mặt tiền đất làm ảnh hưởng đến giá trị diện tích đất phía sau hậu. Mặt khác, vị trí phần hiện trạng chỉ có 01 lối đi vào nên chia hiện vật sẽ gây nên manh mún đất đai, ông T chỉ là một người hưởng thừa kế, trong khi đó các đồng thừa kế khác phần lớn đề thống nhất giao hiện vật cho bà N được hưởng, vì vậy Hội đồng xét xử giao cho bà N được hưởng tòa bộ hiện vật tài sản và bà N có nghĩa vụ chia giá trị kỷ phần mà các người thừa kế được hưởng.

[7] Về giá trị tài sản tranh chấp, các đương sự ước lượng giá trị đất là 50.000đồng/m^2, giá trị ước lượng này của các đương sự thấp hơn quy định của địa phương cho nên Tòa án tiến hành thành lập hội đồng định giá để định giá, kết quả định giá là 72.000đồng/m^2. Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất giá đã định giá là 72.000đồng/m^2, làm cơ sở giải quyết. Bên cạnh đó, các đương sự xác nhận phần đất đang tranh chấp chia thừa kế và phần đất mà Tòa án thực hiện đo đạc theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là đúng thực tế, kết quả đo đạc thì các phần đất tranh chấp có diện tích thực tế như sau: Diện tích đất 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01; Diện tích đất 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần văn X1. Như vậy, tổng diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 6.210m^2.

[8] Hội đồng xét xử giao cho bà N được hưởng hiện vật tài sản cho nên cần buộc bà N1 cùng với những người thừa kế khác cùng giao diện tích đất bà N1 đang sử dụng và phần diện tích đất đang để trống cho bà N và bà N có nghĩa vụ chia giá trị kỷ phần mà các người thừa kế được hưởng cụ thể: tổng diện tích đất là 6.210m^2 x 72.000 đồng = 447.120.000 đồng.

Mỗi kỷ phần trị giá: 447.120.000 đồng : 9 = 49.680.000đồng.

Như vậy, bà N là người được hiện vật nên bà N có trách nhiệm chia kỷ phần được hưởng cho các người thừa kế còn lại mỗi người một kỷ phần.

Từ những phân tích trên, theo đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí: Chi phí tố tụng bà Trần Thị Mị N đã tạm nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 1.000.000đồng và Tòa án đã thực hiện.Tại phiên tòa, bà N xác định tự nguyện chịu chi phí này, cho nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện chịu chi phí tố tụng của bà N.

[10] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Kim P, bà Ngô Thu H1 là người người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 26, 35, 39, 147, 156, 157, 158, 164, 165, 166, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 609, 610, 611, 649, 651, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 188 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mị N, bà Trần Kim P, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991), bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K; chấp nhận một phần yêu cầu khơi kiện của ông Trần Văn T và xử như sau:

1) Về di sản: Di sản của cụ Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017), Tòa án giải quyết trong vụ án này tài sản là phần đất tọa lạc xã H, huyện C, tỉnh An Giang, theo kết quả thẩm định của Tòa án và Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 cụ thể: Diện tích đất 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01; Diện tích đất 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần Văn X. Tổng diện tích đất là 6.210m^2. Giá trị tài sản là 447.120.000 đồng.

3) Hàng thừa kế của cụ Trần Văn X (chết năm 1991), cụ bà Đỗ Thị L2 (chết năm 2017). Cụ X, cụ L2 có 11 người con là Trần Kim P, Trần Văn Đ, Trần Văn D, Trần Kim L, Trần Văn Dũng E, Trần Minh N2, Trần Văn T, Trần Thị Kim C, Trần Thị Mị N, Trần Văn T1 và Trần Thị Thúy K. Trong đó: ông D (chết, không có vợ con); ông Đ (chết, có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991)); ông T1 (chết, không có vợ con); ông N2 (chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), cụ X, cụ L2 không có nhận con nuôi và không có lập di chúc cho nên những người thừa kế được hưởng thừa kế theo pháp luật bao gồm: bà Trần Kim P, ông Trần Văn Đ (ông Đ đã chết người thừa kế có vợ là Ngô Thu H1, con là Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991)), bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần

Minh N2 (ông N2 chết, có vợ là Nguyễn Thị L1, con là Trần Ngọc Như Ý1), ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Mị N và bà Trần Thị Thúy K.

4) Tài sản là di sản được chia như sau: Bà Trần Thị Mị N được phân chia và được quản lý sử dụng các di sản của cụ Trần Văn X, cụ bà Đỗ Thị L2 theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022, gồm: Diện tích đất 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01; Diện tích đất 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần văn X1. Tổng diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 6.210m^2. Phần đất tọa lạc xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

5) Kỷ phần hưởng thừa kế của mỗi người có giá trị là 49.680.000đồng.

- Buộc bà Trần Thị Mị N có nghĩa vụ: giao cho bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K mỗi người một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng); giao cho bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991) một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng) và giao cho bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 một kỷ phần di sản thành tiền là 49.680.000đồng (Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

- Buộc bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991), bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 có nghĩa vụ giao diện tích đất cho bà Trần Thị Mị N, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là 3.947m^2 nối các điểm 3,4,5,6,7 thuộc thửa 2001, 2002, 2003, 2004, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần Văn X.

- Buộc bà Nguyễn Thị N1, bà Trần Kim P, bà Trần Kim L, ông Trần Văn Dũng E, ông Trần Văn T, bà Trần Thị Kim C, bà Trần Thị Thúy K, bà Ngô Thu H1, bà Trần Thúy V, sinh năm 1992 (theo căn cước công dân là Nguyễn Thúy V1, sinh năm 1991), bà Nguyễn Thị L1, Trần Ngọc Như Ý1 có nghĩa vụ giao diện tích đất cho bà Trần Thị Mị N, theo Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là 2.263m^2 nối các điểm 1,2,3,7,8,9,10 thuộc thửa 2000, 2001, tờ bản đồ 01. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00169QSDĐ/eB ngày 02/12/1990 do Ủy ban nhân dân

huyện C chứng nhận cho ông Trần văn X1; theo phiếu cung cấp thông tin địa chính xác định hình thức sử dụng: vợ chồng ông Trần Văn X.

Bà Trần Thị Mị N có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền kê khai và đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

Sơ đồ hiện trạng khu đất do Văn phòng dăng ký đất đai chi nhánh C2 lập ngày 02/8/2022 là một bộ phận không thể tách rời bản án.

6) Về chi phí: Công nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Mị N chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 1.000.000đồng (Bằng chữ: Một triệu đồng). Bà N đã nộp đủ.

7) Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

8) Về án phí:

- Bà Trần Kim P, bà Ngô Thu H1 là người người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí;

- Bà Trần Thị Mị N phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 795.000đồng (Bằng chữ: Bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014114 ngày 19/10/2023 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0014695 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Trần Thị Mị N phải nộp thêm số tiền 1.389.000đồng (Bằng chữ: Một triệu ba trăm tám mươi chín nghìn đồng).

- Bà Trần Kim L phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.500đồng (Bằng chữ: T2 trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0014698 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Trần Kim L phải nộp thêm số tiền 1.621.500đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Ông Trần Văn Dũng E phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.500đồng (Bằng chữ: T2 trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0014697 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Ông Trần Văn Dũng E phải nộp thêm số tiền 1.621.500đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Ông Trần Văn T phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia.

- Bà Trần Thị Kim C phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.500đồng (Bằng chữ: T2 trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0014699 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Trần Thị Kim C phải nộp thêm số tiền 1.621.500đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Bà Trần Thị Thúy K phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.500đồng (Bằng chữ: T2 trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0014702 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Trần Thị Thúy K phải nộp thêm số tiền 1.621.500đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí 2.484.000đồng (Bằng chữ: Hai triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn đồng) đối với phần giá trị tài sản được chia, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 862.500đồng (Bằng chữ: T2 trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) theo biên lai số 0014703 ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Bà Nguyễn Thị L1 phải nộp thêm số tiền 1.621.500đồng (Bằng chữ: Một triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn năm trăm đồng).

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng